

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **312/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 11/9/2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Ông Trần Khắc Viện

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2020/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị H, sinh năm 1984.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(chị H và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn T, xã V, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không chịu đựng

được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 06/3/2010 và cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 09/12/2013. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, còn cháu D chị nhất trí giao cháu cho anh B nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 24/6/2020 anh Hoàng Văn B trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị H như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh B xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Quan điểm của anh B là nhất trí ly hôn với chị H, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh B xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 06/3/2010 và cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 09/12/2013. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh B xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị H và anh Hoàng Văn B. Giao cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 06/3/2010 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 09/12/2013 cho chị Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: giữa các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Nông Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh B và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nông Thị H và anh Hoàng Văn B đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh B và chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị H, HĐXX nhận định: Chị H và anh B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không chịu đựng được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh B cũng nhất trí với phần trình bày về quá trình hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Hiện nay anh B và chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Quá trình giải quyết chị H kiên quyết xin được ly hôn với anh B, anh B cũng nhất trí ly hôn với chị H. Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với Điều 55 luật HN&GD, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị H và anh Hoàng Văn B.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị H và anh B sinh được 02 con chung là cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 06/3/2010 và cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 09/12/2013. Quá trình giải quyết vụ án chị H có quan điểm đề nghị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục một cháu, chị nhận nuôi cháu nhỏ Hoàng Quỳnh N. Còn anh Hoàng Văn B quá trình giải quyết vụ án có quan điểm nhận trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy rằng, các cháu Hoàng Đức D và cháu Hoàng Quỳnh N đều là con chung của chị H và anh B nên cả hai người cùng phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Qua xác minh tại địa phương thấy rằng hiện nay cháu D

và cháu N đều đang sống cùng anh B và đang được đi học ổn định, bản thân cháu D cũng có nguyện vọng được sống cùng anh B. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện của các cháu, căn cứ Điều 81, 82 - Luật HN&GD, xét đề nghị của các bên và nguyện vọng của cháu D thấy cần giao cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 06/3/2010 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, giao cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 09/12/2013 cho chị Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung.

[6] Về tài sản, đất đai chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh B đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh B không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Hoàng Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị H và anh Hoàng Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 06/3/2010 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; Giao cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 09/12/2013 cho chị Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003363 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn B không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

